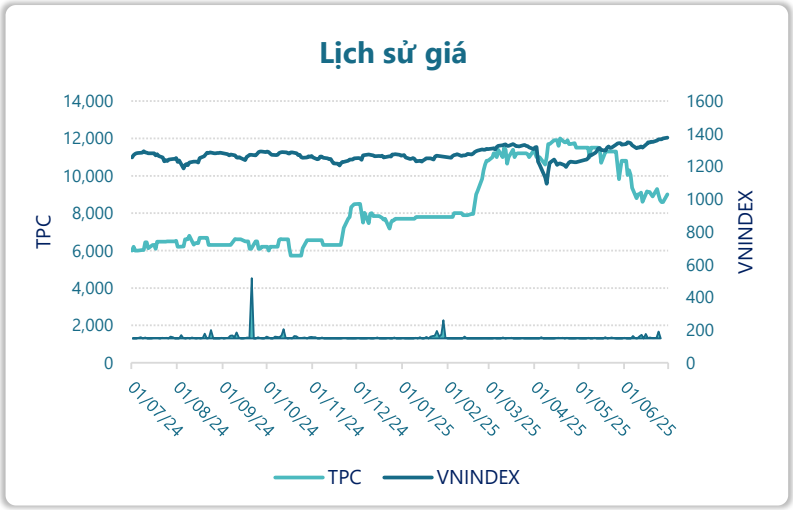
FireAnt

CTCP Nhựa Tân Đại Hưng (HSX: TPC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,730
SL cổ phiếu LH	22,516,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,305
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	203
P/E	18.6
EPS	484

DT thuần

Q2/25

120

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.0| 9.5%

YoY: ▲ 4.00| 3.8%

LN sau thuế

Q2/25

2.05

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.96| -48.8%

YoY: ▼3.32| -61.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.0%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần

6T 2025

230

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.0| 13.2%

LN sau thuế

6T 2025

6.06

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.01| -14.3%

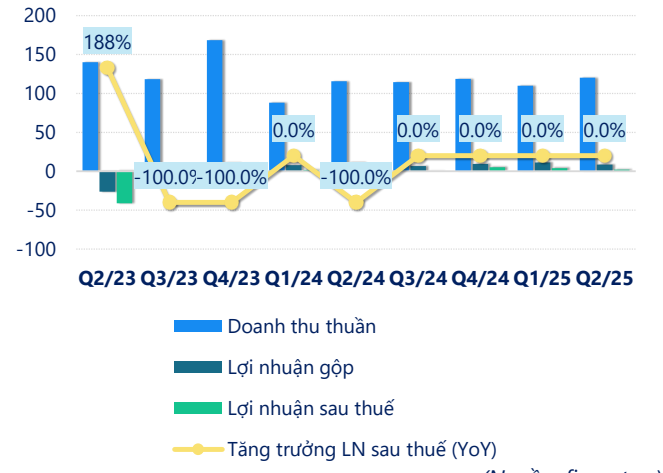
ROE

Q2/25

3.6%

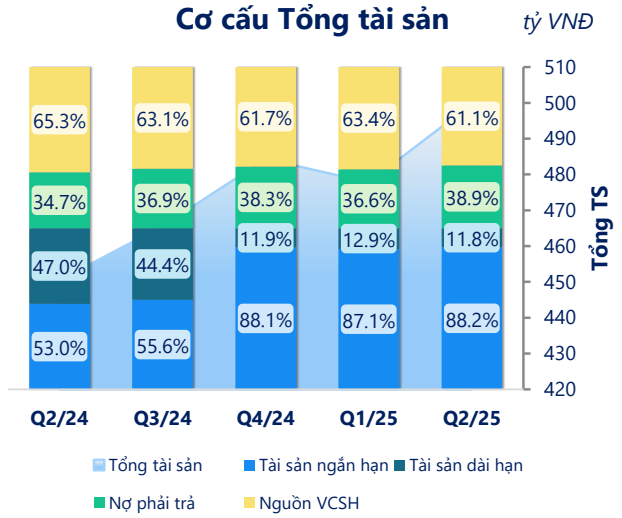
+/- YoY: ▼ 1.7%

Kết quả kinh doanh



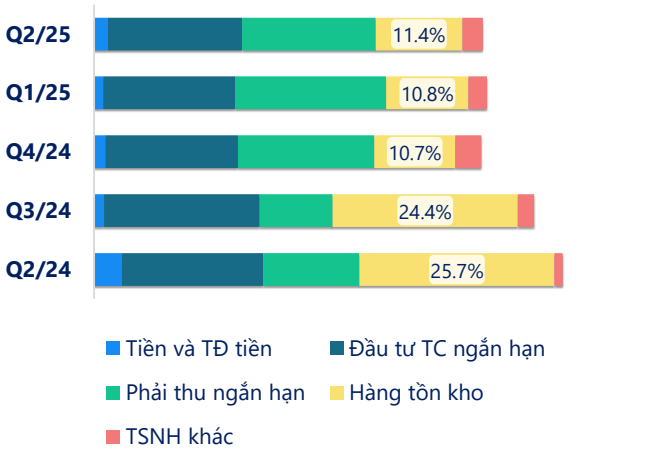
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



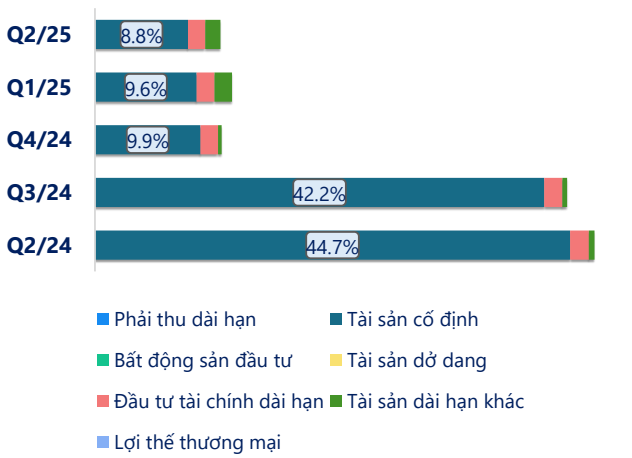
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



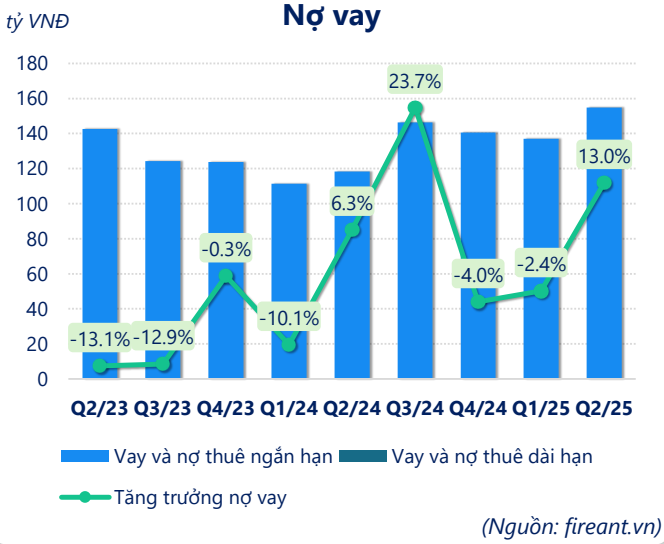
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



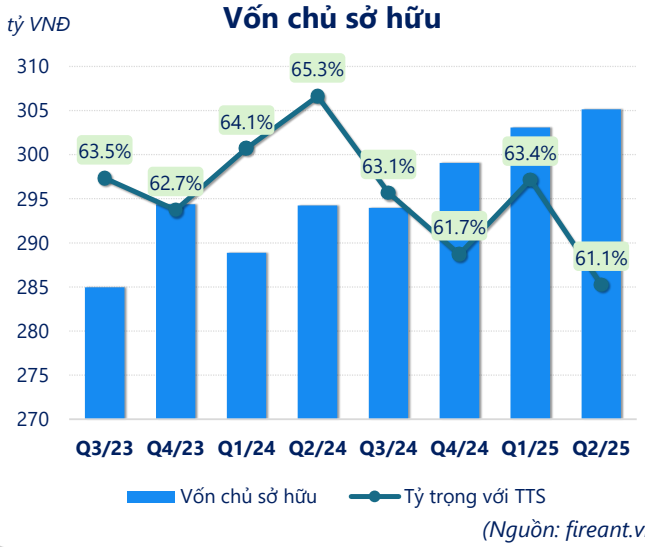
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



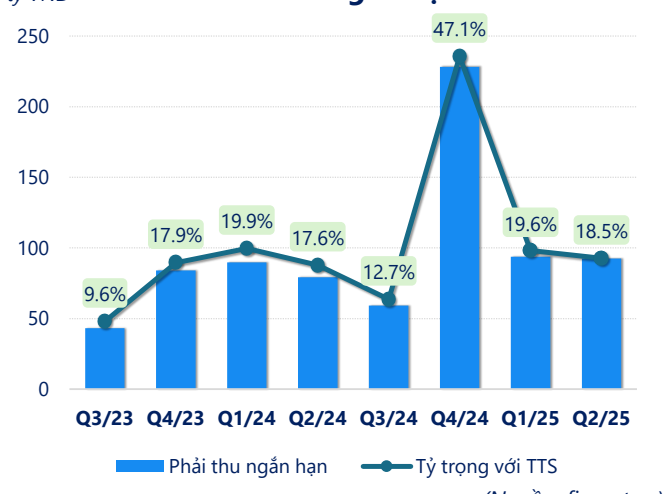
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



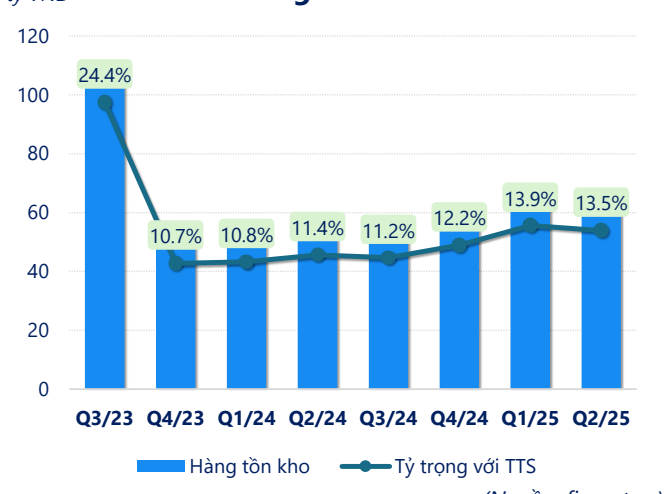
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



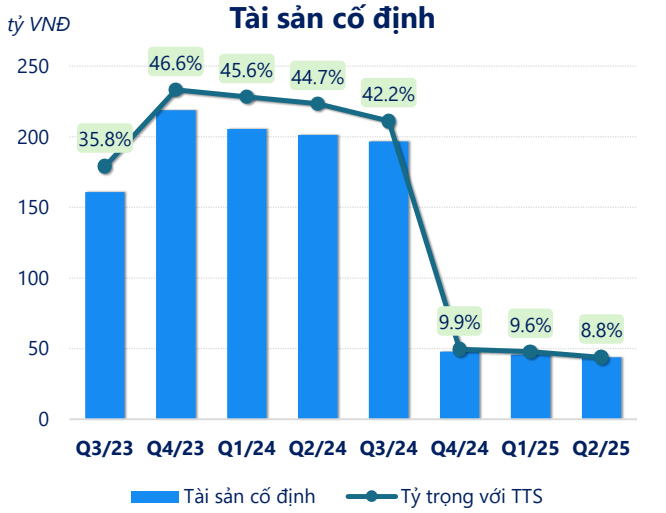
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



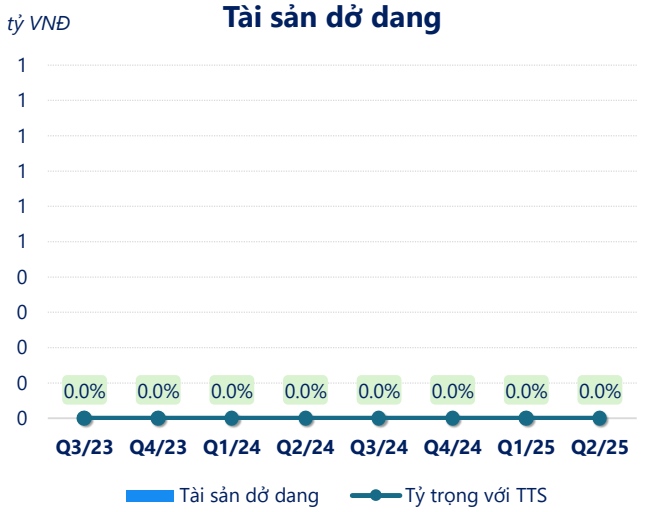
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



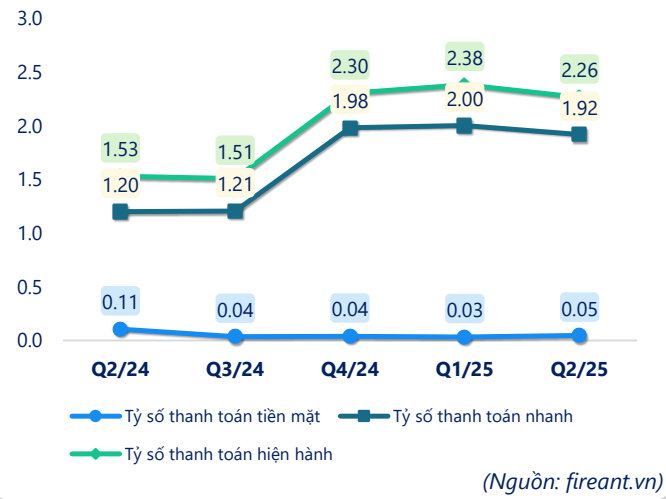
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



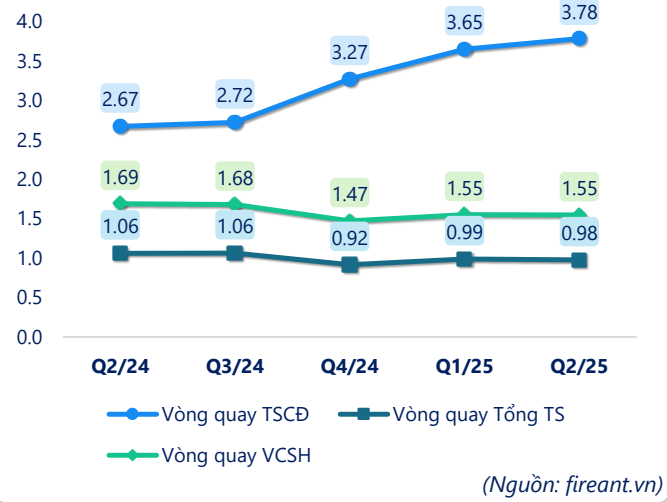
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**450**	**466**	**484**	**478**	**500**
Tài sản ngắn hạn	**239**	**259**	**427**	**416**	**441**
Tiền và tương đương tiền	16.5	6.17	7.14	5.73	9.07
Đầu tư tài chính ngắn hạn	79.7	127	118	238	263
Phải thu ngắn hạn	79.1	59.3	228	93.7	92.6
Hàng tồn kho	51.4	52.0	59.2	66.4	67.4
Tài sản ngắn hạn khác	12.3	14.8	13.8	12.6	8.74
Tài sản dài hạn	**212**	**207**	**57.7**	**61.6**	**59.0**
Phải thu dài hạn	0	0	0.06	0	0
Tài sản cố định	201	197	47.9	45.7	43.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	8.00	8.00	8.00	8.00	8.00
Tài sản dài hạn khác	2.32	2.02	1.72	7.88	7.22
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**156**	**172**	**185**	**175**	**195**
Nợ ngắn hạn	**156**	**172**	**185**	**175**	**195**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	118	146	141	137	155
Phải trả người bán ngắn hạn	25.1	10.8	27.9	26.7	26.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**294**	**294**	**299**	**303**	**305**
Vốn chủ sở hữu	**294**	**294**	**299**	**303**	**305**
Vốn điều lệ	244	244	244	244	244
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)